	1	2	3	4	5	6		7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
				J	2		2 11111					人	八		-	7	J		J	力	1				-	
	yī	gǔn	zhǔ	piě	yĭ	jué		èr	tóu	rén	ér	rù	bā	jiōng	mì	bīng	jī	kǎn	dāo	lì	bāo	bĭ	fāng	xĭ	shí	bǔ
26	27	28	29	3	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51
jié	hǎn	J sī	yòu		kǒu	wéi	± tů	shì	Zhǐ	SUĪ	X ī	人 dà	女 nǚ	子 žǐ	mián	cùn	Xiǎo	上 wāng	shī	L) chè	shān]]] chuān	gōng	J jĭ	jīn	gān
52	53	54	55	56	57	58	59	60	1	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77
Y yāo	yǎn	女 yǐn	H gŏng	→ Yì	号 gōng	jì	shān	chì		\L\ xīn	g ē	H ù	Ji shǒu	支 zhī	文 pū	wén	dŏu	斤 jīn	方 fāng	无wú	H rì	yuē	月 yuè	The mù	A qiàn	L zhĭ
78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94		95	96	97	98	99	100	101	102	103
J dăi	Shū	H Wú	L bi	E máo	H shì	A i	才 shuǐ	N huŏ	Tháo	父 fù	ý yáo	日 qiáng	H piàn	子 yá	H niú	 Quǎn		X xuán	上 yù	JJ guā	瓦 wǎ	H gān	H shēng	H yòng	Hián	E př
104	105	106	107	108	109	110	111	112	113	114	115	116	117	6	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129
nè	₹ bō	Б bái	支 pí	III. min	H mù	Táo	大 shǐ	Ti shí	了 shì	róu	大 hé	Xué			分 zhú	** mi	於 mì	占 fǒu	wăng	¥ yáng		老 lǎo	TTJ ér	夫 lěi	Ěř	‡ yù
130	131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	7	147	148	149	150	151	152	153	154	155
内ròu	E chén	H zì	至 zhì	jiù	H shé	54 chuản	計 zhōu	gèn	É sè	JHI cǎo	뉟 hū	上 chóng		行 xíng	了 yī	担 yà		見 jiàn	角 jiǎo	当 yán	合 gů	H dòu	Shì	考 zhì	bèi	赤 chì
156	157	158	159	160	161	162	163	164	165	166	Q	167	168	169	170	171	172	173	174	175		176	177	178	179	180
走 zǒu	足 zú	shēn	其 chē	子 xīn	 chén	走 chuò	园 yì	西 yǒu	米 biàn	里 lǐ		全 jīn	E cháng	FF mén	Fig. fü	表lì	住 zhuī	了 yǔ	事 qīng	ま fēi		H iàn	事 gé	# wéi	H jiù	当 yīn
181	182	183	184	185	186	10	187	188	189	190	191	192	193	194	11	195	196	197	198	199	200	12	201	202	203	204
其 yè	重 fēng	fēi	食 shí	H shǒu	香 xiāng		馬mǎ	用 gů	可 gāo	長 biāo	dòu	E chàng	局 lì	鬼 guǐ		魚 yú	高 niǎo	述 lǔ	胆 lù	交 mài	床 má		黄 huáng	 shǔ	平 hēi	指 zhǐ
13	205 H min	206 肌 dǐng	207 数 gǔ	208 EE shù	14	209 身 bí	210 齊 qí	15	211	16 聞	212 消息 lóng	213 guī	17 通	214 倫 yuè												